BỘ CÔNG AN

BỘ CÔNG AN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/2024/TT-BCA *Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2024*

THÔNG TƯ
Quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về: Hồ sơ, trình tự, thủ tục tuyển chọn Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; trình tự, thủ tục thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, công nhận thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; trình tự, thủ tục điều chỉnh số lượng thành viên, số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, cho thôi tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; huấn luyện, bồi dưỡng, diễn tập, hội thi đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi,

quản lý, sử dụng biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; trang bị công cụ hỗ trợ cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xây dựng lực lượng, bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục tuyển chọn Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Hồ sơ tuyển chọn gồm: Đơn đề nghị tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở (Mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Thông tư này); bản khai sơ yếu lý lịch; chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật về việc có đủ sức khoẻ; bằng tốt nghiệp hoặc đã hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở trở lên hoặc đã học xong chương trình giáo dục tiểu học theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

2. Xây dựng kế hoạch, thông báo công khai kế hoạch tuyển chọn:

a) Căn cứ yêu cầu thực tiễn, Công an cấp xã xây dựng kế hoạch tuyển chọn Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự đáp ứng yêu cầu bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt kế hoạch;

Nội dung kế hoạch gồm: Mục đích, yêu cầu, tiêu chuẩn, điều kiện, thành phần hồ sơ, số lượng Tổ viên cần tuyển chọn, thời hạn và địa điểm tiếp nhận hồ sơ; dự kiến thời gian tổ chức họp xét tuyển; các nội dung khác có liên quan.

b) Ngay sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành kế hoạch tuyển chọn, Công an cấp xã niêm yết công khai kế hoạch tuyển chọn tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Công an cấp xã, tại nhà văn hóa và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở thôn, tổ dân phố.

3. Tiếp nhận hồ sơ, thông báo công khai danh sách công dân dự tuyển:

a) Công an cấp xã tổ chức tiếp nhận hồ sơ dự tuyển. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ theo quy định thì bộ phận tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo ngay khi tiếp nhận và hướng dẫn để hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

b) Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ, Công an cấp xã lập danh sách công dân dự tuyển, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt và niêm yết công khai danh sách công dân dự tuyển tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Công an cấp xã, tại nhà văn hóa và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở thôn, tổ dân phố trong thời hạn 15 ngày làm việc trước ngày tổ chức họp xét tuyển.

4. Thành lập Hội đồng xét tuyển:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập Hội đồng xét tuyển (Mẫu số 08 Phụ lục kèm theo Thông tư này). Thành phần Hội đồng xét tuyển gồm Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng Công an cấp xã hoặc Phó trưởng Công an cấp xã, các thành viên là đại diện: Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cấp xã, Hội Nông dân Việt Nam cấp xã, công chức cấp xã và đại diện thôn, tổ dân phố, Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố (sau đây gọi chung là thành viên Hội đồng xét tuyển). Số lượng thành viên Hội đồng xét tuyển do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

5. Tổ chức họp xét tuyển:

a) Thời gian tổ chức họp xét tuyển được thực hiện sau khi kết thúc thời hạn niêm yết công khai danh sách công dân dự tuyển và do Chủ tịch Hội đồng xét tuyển quyết định về thời gian;

Hội đồng xét tuyển tổ chức họp khi có quá nửa tổng số thành viên Hội đồng xét tuyển tham dự và phải có mặt dự họp của Chủ tịch Hội đồng xét tuyển hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng xét tuyển được ủy quyền để điều hành cuộc họp.

b) Nội dung xét tuyển căn cứ trên cơ sở tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 13 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và hồ sơ tuyển chọn theo quy định tại Thông tư này.

6. Trình tự thực hiện tại cuộc họp:

a) Chủ tịch Hội đồng xét tuyển hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng xét tuyển được ủy quyền điều hành cuộc họp tuyên bố lý do, nêu mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp và thông báo: Danh sách, lý lịch của công dân dự tuyển; tiêu chuẩn, điều kiện tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo quy định; danh sách thành viên Hội đồng xét tuyển; hình thức xét tuyển; thư ký cuộc họp và các nội dung khác có liên quan;

b) Trường hợp xét tuyển bằng hình thức giơ tay biểu quyết công khai, thư ký cuộc họp đếm số lượng thành viên Hội đồng xét tuyển có mặt dự họp biểu quyết và lập Biên bản kết quả xét tuyển có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng xét tuyển hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng xét tuyển được ủy quyền điều hành cuộc họp, thư ký cuộc họp và thông báo công khai tại cuộc họp (Mẫu số 04 Phụ lục kèm theo Thông tư này).

Trường hợp xét tuyển bằng hình thức bỏ phiếu kín thì mẫu phiếu có đóng dấu treo của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Thông tư này). Hội đồng xét tuyển giới thiệu Tổ kiểm phiếu gồm Tổ trưởng, Tổ phó, Ủy viên, Thư ký Tổ kiểm phiếu. Tổ kiểm phiếu kiểm phiếu ngay sau khi kết thúc bỏ phiếu và lập Biên bản kết quả xét tuyển có xác nhận của Tổ trưởng, Thư ký Tổ kiểm phiếu và thông báo công khai tại cuộc họp (Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Thông tư này).

7. Kết quả xét tuyển và niêm yết công khai kết quả xét tuyển:

a) Công dân được xét tuyển để đề nghị công nhận là Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự phải được quá nửa tổng số thành viên Hội đồng xét tuyển có mặt dự họp biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín nhất trí;

Trường hợp công dân tham gia xét tuyển được quá nửa tổng số thành viên Hội đồng xét tuyển có mặt dự họp nhất trí nhưng nhiều hơn số lượng Tổ viên cần tuyển chọn thì căn cứ số lượng thành viên Hội đồng xét tuyển có mặt dự họp nhất trí đề nghị công nhận Tổ viên để lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng Tổ viên cần tuyển chọn.

Trường hợp kết quả biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín ngang nhau thì Chủ tịch Hội đồng xét tuyển hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng xét tuyển được ủy quyền điều hành cuộc họp quyết định.

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày lập Biên bản kết quả xét tuyển, Công an cấp xã niêm yết công khai Biên bản kết quả xét tuyển tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Công an cấp xã, tại nhà văn hóa và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở thôn, tổ dân phố và thông báo kết quả xét tuyển đến địa chỉ của công dân dự tuyển, thông báo thời gian đến nhận nhiệm vụ trong trường hợp được tuyển chọn.

Điều 4. Trình tự, thủ tục thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, công nhận thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày lập Biên bản kết quả xét tuyển, Công an cấp xã có văn bản kèm theo các tài liệu sau đây báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ra quyết định thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, quyết định công nhận Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự: Biên bản kết quả xét tuyển Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; danh sách đề nghị công nhận là Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự (Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư này); danh sách giới thiệu đề nghị công nhận là Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự (Mẫu số 06 Phụ lục kèm theo Thông tư này).

2. Tại thôn, tổ dân phố đã bổ nhiệm Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, Công an cấp xã căn cứ năng lực, trình độ chuyên môn của người đã được bổ nhiệm Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định công nhận là Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Công an cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự (Mẫu số 08 Phụ lục kèm theo Thông tư này), quyết định công nhận Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự (Mẫu số 08 Phụ lục kèm theo Thông tư này) và giao Công an cấp xã niêm yết công khai quyết định tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Công an cấp xã, tại nhà văn hóa và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở thôn, tổ dân phố.

Điều 5. Trình tự, thủ tục điều chỉnh số lượng thành viên, số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, cho thôi tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Trường hợp bổ sung thành viên, bổ sung Tổ bảo vệ an ninh, trật tự quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 17 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư này.

2. Điều chỉnh tăng, giảm số lượng thành viên, số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 17 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về điều chỉnh tăng, giảm số lượng thành viên, số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự để tổ chức thực hiện theo quy định sau đây:

a) Trường hợp tăng số lượng thành viên, tăng số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư này;

b) Trường hợp giảm số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự: Công an cấp xã chủ trì, phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ra quyết định giải thể Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Công an cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định giải thể Tổ bảo vệ an ninh, trật tự (Mẫu số 08 Phụ lục kèm theo Thông tư này) và giao Công an cấp xã niêm yết công khai quyết định tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Công an cấp xã, tại nhà văn hóa và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở thôn, tổ dân phố.

Việc giảm số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được thực hiện theo lộ trình và phù hợp với số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh.

3. Cho thôi tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở:

a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 17 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Công an cấp xã chủ trì tiếp nhận đơn xin thôi tham gia lực lượng và trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, Công an cấp xã phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố xem xét, có văn bản kèm theo Báo cáo đề nghị cho thôi tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở (Mẫu số 07 Phụ lục kèm theo Thông tư này) báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

b) Đối với trường hợp quy định tại các điểm b, c, d khoản 3 Điều 17 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Công an cấp xã chủ trì, phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố tập hợp thông tin, tài liệu, có văn bản kèm theo Báo cáo đề nghị cho thôi tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở (Mẫu số 07 Phụ lục kèm theo Thông tư này) báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Công an cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định cho thôi tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở (Mẫu số 08 Phụ lục kèm theo Thông tư này) và giao Công an cấp xã niêm yết công khai quyết định tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Công an cấp xã, tại nhà văn hóa và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở thôn, tổ dân phố.

Điều 6. Huấn luyện, bồi dưỡng, diễn tập, hội thi đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Huấn luyện, bồi dưỡng về chính trị, pháp luật, bao gồm:

a) Quan điểm chỉ đạo, yêu cầu xây dựng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

b) Khái quát về pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

2. Huấn luyện, bồi dưỡng về nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ hỗ trợ của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, bao gồm:

a) Nắm tình hình về an ninh, trật tự;

b) Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

c) Phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

d) Quản lý hành chính về trật tự xã hội;

đ) Vận động, giáo dục người đã có hành vi vi phạm pháp luật đang cư trú tại cơ sở;

e) Tuần tra bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông; thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự khi được điều động.

3. Diễn tập: Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở, Công an các địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức diễn tập cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phù hợp với nhiệm vụ được giao theo một số tình huống sau đây:

a) Trực tiếp phát hiện vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, tệ nạn xã hội, bạo lực gia đình trên địa bàn phụ trách;

b) Tham gia cùng Công an cấp xã kiểm tra nhân khẩu, tạm trú, tạm vắng; nắm thông tin nhân khẩu trên địa bàn phụ trách; nắm thông tin về hoạt động của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; phát hiện các trường hợp vi phạm quy định về quản lý, sử dụng pháo, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ;

c) Tham gia vận động, giáo dục người đã có hành vi vi phạm pháp luật đang cư trú tại cơ sở;

d) Hỗ trợ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

đ) Bảo vệ hiện trường, bảo vệ an ninh, trật tự, cấp cứu người bị nạn;

e) Bắt người phạm tội quả tang, người đang bị truy nã;

g) Giải quyết mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân;

h) Tham gia cùng Công an cấp xã tuần tra bảo đảm an ninh, trật tự; phân luồng, giải quyết ùn tắc giao thông;

i) Một số tình huống khác phục vụ trực tiếp việc thực hiện nhiệm vụ của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

4. Hội thi:

a) Hội thi do địa phương tổ chức: Định kỳ 05 năm, căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở, Công an các địa phương tham mưu cho chính quyền địa phương cùng cấp tổ chức hội thi lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở (tổ chức tại cấp huyện, cấp tỉnh);

b) Hội thi do Bộ Công an tổ chức: Định kỳ 05 năm, Cục Xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc chủ trì xây dựng kế hoạch và tổ chức hội thi của Bộ Công an về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở toàn quốc.

5. Cục Xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan tổ chức biên soạn chương trình, tài liệu huấn luyện, bồi dưỡng theo nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và phát hành đến Công an các đơn vị, địa phương.

Trường hợp cần cập nhật, bổ sung tài liệu huấn luyện, bồi dưỡng cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, yêu cầu thực tiễn, Cục Xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan báo cáo lãnh đạo Bộ Công an cho phép tổ chức biên soạn và phát hành tài liệu đến Công an các đơn vị, địa phương.

6. Căn cứ yêu cầu thực tiễn, Công an các địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng về chính trị, pháp luật, nghiệp vụ cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý theo tài liệu do Cục Xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc chủ trì biên soạn.

Điều 7. Cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi, quản lý, sử dụng biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được cấp, sử dụng biển hiệu, giấy chứng nhận để thực hiện nhiệm vụ và có trách nhiệm quản lý, bảo quản, xuất trình khi có yêu cầu kiểm tra của Công an cấp xã, cơ quan có thẩm quyền.

2. Biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị hư hỏng, hết hạn, thay đổi thông tin được cấp đổi, bị mất được cấp lại. Thẩm quyền cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Công an cấp xã tổ chức in theo mẫu, mở sổ theo dõi, quản lý và giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện việc in, cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

3. Biển hiệu được cài, kẹp ở ngực bên trái hoặc đeo trước ngực. Người được cấp biển hiệu, giấy chứng nhận chỉ được sử dụng khi thực hiện nhiệm vụ, có trách nhiệm

quản lý, bảo quản và không được cho người khác mượn hoặc sử dụng; nếu bị mất hoặc hư hỏng phải báo cáo ngay Công an cấp xã trực tiếp quản lý; khi không còn là thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự hoặc cho thôi tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phải nộp lại biển hiệu, giấy chứng nhận cho Công an cấp xã trực tiếp quản lý để thu hồi.

Điều 8. Trang bị công cụ hỗ trợ cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Bộ Công an trang bị công cụ hỗ trợ cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở do ngân sách trung ương bảo đảm theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; cụ thể như sau:

STT	TÊN CÔNG CỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	TRANG BỊ CHO 01 TỔ BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ	NIÊN HẠN SỬ DỤNG
1.	Dùi cui cao su	Chiếc	80% quân số	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
2.	Dùi cui kim loại	Chiếc	50% quân số	
3.	Áo giáp chống đâm	Cái	30% quân số	
4.	Găng tay bắt dao	Đôi	30% quân số	

2. Hằng năm, Công an cấp xã tổng hợp nhu cầu số lượng, loại công cụ hỗ trợ trang bị cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở gửi Công an cấp huyện tổng hợp, gửi Công an cấp tỉnh lập dự trù kinh phí và gửi Cục Kế hoạch và tài chính thẩm định, tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Bộ Công an xem xét, quyết định.

3. Căn cứ số lượng, loại công cụ hỗ trợ được trang bị theo quy định tại Thông tư này, Công an cấp xã tổ chức quản lý công cụ hỗ trợ được trang bị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, quy định của pháp luật có liên quan và xem xét, quyết định loại, số lượng công cụ hỗ trợ trang bị cho từng thành viên

Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, loại công cụ hỗ trợ sử dụng chung của Tổ bảo vệ an ninh, trật tự khi thực hiện nhiệm vụ.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 9 Thông tư số 17/2018/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 9 như sau:

"4. Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được xem xét trang bị loại công cụ hỗ trợ thuộc các loại sau: Dùi cui cao su, dùi cui kim loại, áo giáp chống đâm, găng tay bắt dao".

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

2. Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ quy định trong Thông tư này khi được kiện toàn về tổ chức mà có sự thay đổi về tên gọi thì thực hiện theo tên gọi mới của đơn vị được giao nhiệm vụ liên quan đến lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở quy định trong văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

3. Các văn bản sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 32/2009/TT-BCA-V19 ngày 28 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về chương trình bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã;

b) Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

c) Thông tư số 08/2013/TT-BCA ngày 01 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tổ chức, hoạt động của Công an xây dựng phong trào và phụ trách xã về an ninh, trật tự;

d) Thông tư số 14/2014/TT-BCA ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi khoản 2 Điều 17 Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp) để kịp thời hướng dẫn./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Tô Lâm

PHỤ LỤC
Biểu mẫu sử dụng trong xây dựng, hoạt động của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở
(Kèm theo Thông tư số 14/2024/TT-BCA ngày 22/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở)

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THAM GIA LỰC LƯỢNG THAM GIA BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ Ở CƠ SỞ

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân……..(1)……..

Họ và tên công dân đề nghị: .....
Hiện đang thường trú (tạm trú) tại:.....
Số điện thoại: .....
Tôi đề nghị được tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.
Gửi kèm theo đơn này hồ sơ tuyển chọn theo quy định:.....
……..
Kính đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.
Tôi xin trân trọng cảm ơn!

....(2).... ngày.... tháng.... năm.....
NGƯỜI VIẾT ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:
(1) Ghi cụ thể tên Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc Ủy ban nhân dân huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã).
(2) Địa danh.

Mẫu số 02

……(1)……. **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
……(2)……. Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU XÉT TUYỂN
TỔ VIÊN TỔ BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ

- Nhất trí hoặc không nhất trí, đề nghị đánh dấu (X) vào ô tương ứng.

- Phiếu hợp lệ là phiếu có đóng dấu treo của Ủy ban nhân dân cấp xã và được đánh dấu (X) vào ô tương ứng.

- Phiếu không hợp lệ: Phiếu đánh dấu vào cả 02 ô nhất trí và không nhất trí; bị tẩy xóa; dùng các dấu khác ngoài dấu (X) đánh vào ô tương ứng; phiếu không có dấu treo của Ủy ban nhân dân cấp xã; phiếu trắng, phiếu trống không đánh dấu vào ô tương ứng.

Stt	Họ và tên công dân tham gia xét tuyển	Năm sinh	Nhất trí đề nghị công nhận Tổ viên	Không nhất trí đề nghị công nhận Tổ viên
1.				
2.				
…				

Ghi chú:

(1) Ghi cụ thể tên Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc Ủy ban nhân dân huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã).

(2) Thôn, tổ dân phố thuộc cấp xã (trường hợp không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã thì để trống).

Mẫu số 03

……(1)……. **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
……(2)……. Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
KẾT QUẢ XÉT TUYỂN TỔ VIÊN TỔ BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ
(BỎ PHIẾU KÍN)

Hôm nay, vào……. giờ……, ngày…….. tháng…… năm.....

Tại: ..... (3) .....

Đã tổ chức họp Hội đồng xét tuyển Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự với tổng số thành viên Hội đồng xét tuyển có mặt dự họp…… (4) …..; cụ thể như sau:

1. Danh sách thành viên Hội đồng xét tuyển có mặt dự họp:

- Chủ tịch Hội đồng: .....

Ông (Bà): .....

- Phó Chủ tịch Hội đồng:

Ông (Bà): .....

- Thành viên gồm:

Ông (Bà): .....

Ông (Bà): .....

Ông (Bà): .....

Ông (Bà): .....

2. Danh sách thành viên Tổ kiểm phiếu:

- Tổ trưởng:

Ông (Bà): .....

- Tổ phó:

Ông (Bà): .....

- Ủy viên gồm:

Ông (Bà): .....

Ông (Bà): .....

- Thư ký:

Ông (Bà): .....

3. Kết quả kiểm phiếu:

- Tổng số thành viên Hội đồng xét tuyển có mặt dự họp: .....(4) .....
- Tổng số phiếu phát ra: .....
- Tổng số phiếu thu về: .....
- Số phiếu hợp lệ: .....
- Số phiếu không hợp lệ: .....
- Kết quả như sau:

Stt	Họ và tên công dân tham gia xét tuyển	Tổng số thành viên Hội đồng xét tuyển có mặt dự họp nhất trí đề nghị công nhận Tổ viên (4)	Tổng số thành viên Hội đồng xét tuyển có mặt dự họp không nhất trí đề nghị công nhận Tổ viên (4)	Ghi chú

Biên bản được lập vào……..giờ……, ngày……tháng…….. năm……... và được đọc công khai tại cuộc họp.

THƯ KÝ TỔ KIỂM PHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM PHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ghi cụ thể tên Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc Ủy ban nhân dân huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã).

(2) Ghi cụ thể thôn, tổ dân phố thuộc cấp xã (trường hợp không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã thì để trống).

(3) Địa chỉ nơi tổ chức họp xét tuyển Tổ viên.

(4) Ghi cụ thể tổng số thành viên Hội đồng xét tuyển có mặt dự họp trên tổng số thành viên Hội đồng xét tuyển được thành lập theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Mẫu số 04

……(1)……. **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
……(2)……. Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
KẾT QUẢ XÉT TUYỂN TỔ VIÊN TỔ BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ
(GIƠ TAY BIỂU QUYẾT CÔNG KHAI)

Hôm nay, vào……. giờ……, ngày…….. tháng…… năm.....

Tại: ..... (3) . .....

Đã tổ chức họp Hội đồng xét tuyển Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự với tổng số thành viên Hội đồng xét tuyển có mặt dự họp…… (4) …..; cụ thể như sau:

- Chủ tịch Hội đồng: .....

Ông (Bà): .....

- Phó Chủ tịch Hội đồng:

Ông (Bà): .....

- Thành viên gồm:

Ông (Bà): .....

Ông (Bà): .....

Ông (Bà): .....

Ông (Bà): .....

Kết quả biểu quyết bằng hình thức giơ tay:

Stt	Họ và tên công dân tham gia xét tuyển	Tổng số thành viên Hội đồng xét tuyển có mặt dự họp nhất trí đề nghị công nhận Tổ viên (4)	Tổng số thành viên Hội đồng xét tuyển có mặt dự họp không nhất trí đề nghị công nhận Tổ viên (4)	Ghi chú

Stt	Họ và tên công dân tham gia xét tuyển	Tổng số thành viên Hội đồng xét tuyển có mặt dự họp nhất trí đề nghị công nhận Tổ viên (4)	Tổng số thành viên Hội đồng xét tuyển có mặt dự họp không nhất trí đề nghị công nhận Tổ viên (4)	Ghi chú

Biên bản được lập vào……..giờ……, ngày……tháng ……..năm …….....
và được đọc công khai tại cuộc họp.

THƯ KÝ CUỘC HỌP	TM. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
(Ký và ghi rõ họ tên)	**…… (5) ….**
	(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ghi cụ thể tên Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc Ủy ban nhân dân huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã).

(2) Ghi cụ thể thôn, tổ dân phố thuộc cấp xã (trường hợp không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã thì để trống).

(3) Địa chỉ nơi tổ chức họp xét tuyển Tổ viên.

(4) Ghi cụ thể tổng số thành viên Hội đồng xét tuyển có mặt dự họp trên tổng số thành viên Hội đồng xét tuyển được thành lập theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

(5) Chủ tịch Hội đồng xét tuyển hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng xét tuyển được ủy quyền điều hành cuộc họp.

Mẫu số 05

……(1)…….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
……(2)…….	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH
Đề nghị công nhận là Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân ……. (3) ……..

Căn cứ kết quả xét tuyển Tổ viên (có biên bản gửi kèm theo), Công an ……. (4) ..... đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân …… (5) …… xem xét, quyết định công nhận Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự đối với các ông (bà) có tên sau đây:

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Tổng số thành viên Hội đồng xét tuyển có mặt dự họp nhất trí đề nghị công nhận Tổ viên (tỷ lệ %)

TRƯỞNG/PHÓ TRƯỞNG
CÔNG AN …(6)……
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ghi cụ thể tên Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc Ủy ban nhân dân huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã).

(2),(4),(6) Công an cấp xã (hoặc Công an huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã).

(3),(5) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã).

Mẫu số 06

……(1)……. **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
……(2)……. **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH
Giới thiệu đề nghị công nhận là Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân …….. (3) ……..

Căn cứ kết quả xét tuyển Tổ viên (có biên bản gửi kèm theo), Công an …… (4) …… giới thiệu các ông (bà) có tên sau đây và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân ……. (5) …… xem xét, quyết định công nhận là Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự:

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Giới thiệu đề nghị công nhận (7)

TRƯỞNG/PHÓ TRƯỞNG
CÔNG AN …(6)……
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ghi cụ thể tên Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc Ủy ban nhân dân huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã).

(2),(4),(6) Công an cấp xã (hoặc Công an huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã).

(3),(5) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã).

(7) Ghi cụ thể là Tổ trưởng hoặc Tổ phó.

Mẫu số 07

……(1)……. **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
……(2)……. **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO
Đề nghị cho thôi tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân…… (3) …….

Căn cứ quy định về trường hợp cho thôi tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, Công an ……. (4) …….. đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân…….. (5) …….. xem xét, quyết định cho thôi tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đối với ông (bà):.....

Thành viên: ..... (6) .....

Lý do thôi tham gia: ..... (7).....

- Ý kiến của Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố: .....

- Ý kiến của Trưởng thôn (Tổ trưởng tổ dân phố): .....

- Ý kiến của Công an …… (8) .....

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân …….. (9) …… xem xét, quyết định./.

TRƯỞNG/PHÓ TRƯỞNG
CÔNG AN … (10) …
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ghi cụ thể tên Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc Ủy ban nhân dân huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã).

(2),(4) (8) (10) Công an cấp xã (hoặc Công an huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã).

(3),(5) (9) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã).

(6) Ghi cụ thể thành viên là Tổ trưởng hoặc Tổ phó, Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

(7) Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 17 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở để ghi cho phù hợp.

Mẫu số 08

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN(1) **TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC(2)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …/QĐ-… (3) …	*(4)…, ngày... tháng... năm…*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ……. (5) …….

THẨM QUYỀN BAN HÀNH (6)

Căn cứ…… (7)……;

Căn cứ……;

Theo đề nghị của……..

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. …….. (8) ..... ……

Điều 2. …… (8) ……..

Điều 3. …… (8) ……...

Nơi nhận:
- Như Điều ... ;
- Lưu: VT ..(9)…(10)…

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu của cơ quan, tổ chức)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành Quyết định.

(3) Chữ viết tắt của cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành Quyết định.

(4) Địa danh.

(5) Trích yếu nội dung quyết định (ví dụ Quyết định thành lập Hội đồng xét tuyển; Quyết định về việc công nhận Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; Quyết định về việc thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; Quyết định về việc cho thôi tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; Quyết định giải thể Tổ bảo vệ an ninh, trật tự …).

(6) Thẩm quyền ban hành quyết định thuộc về người đứng đầu cơ quan, tổ chức thì ghi chức vụ của người đứng đầu; nếu thẩm quyền ban hành quyết định thuộc về tập thể lãnh đạo hoặc cơ quan, tổ chức thì ghi tên tập thể hoặc tên cơ quan, tổ chức đó.

(7) Các căn cứ để ban hành quyết định.

(8) Nội dung, hiệu lực, trách nhiệm thi hành…. quyết định.

(9) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(10) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).